

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HS-ST.
Ngày 15 tháng 6 năm 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Phước Tự.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: Ngô Văn Khon.

2/ Ông: Nguyễn Hoàng Minh.

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong -Thư ký tòa án nhân dân huyện Thanh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2022; đối với các bị cáo:

1- Họ và tên: Lê Văn N, sinh năm: 1995 (tên gọi khác: không) tại: tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp 3, xã 2, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; cha: Lê Văn M, sinh năm 1971 và con bà Phạm Thị D, sinh năm 1972; anh em ruột: có 05 người bị cáo là con thứ 01; vợ: Trần Kiều N, sinh năm: 1993; con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; tạm giữ: ngày 25/5/2021; tạm giam: ngày 03/6/2021 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thanh Bình, có mặt tại phiên tòa.

2- Họ và tên: Nguyễn Hoàng M, sinh năm: 1996 (tên gọi khác: không) tại: tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thành P, sinh năm: 1972 và con bà: Phan Thị P, sinh năm: 1968; chị em ruột: có 02 người bị cáo là con thứ 02; vợ: Nguyễn Trang Bích N, sinh năm 1994; con: có 01 người sinh năm 2020; tiền án: không; tiền sự: không; tạm giữ: 25/5/2021; tạm giam: ngày 03/6/2021 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thanh Bình, có mặt tại phiên tòa.

3- Họ và tên: Phạm Văn G, sinh năm: 1997 (tên gọi khác: G C) tại: tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn D, sinh năm: 1978 và con bà: Nguyễn Thị B, sinh năm: 1973; anh em ruột: có 05 người bị cáo là con thứ 02; vợ, con: chưa có; tiền sự: không; tiền án: có 02 tiền án: - Ngày 18/11/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/4/2017- Ngày 11/5/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/11/2018 chưa được xóa án tích; nhân thân: Ngày 04/6/2012 bị UBND huyện Thanh Bình ra Quyết định số 07/QĐ đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng. Ngày 16/4/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong ngày 08/12/2015 đương nhiên được xóa án tích theo Nghị quyết số 109 ngày 27/11/2015 của Quốc Hội; tạm giữ: không; tạm giam: ngày 25/5/2021 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thanh Bình, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Nguyễn Thanh L, sinh năm 1976; Trú tại: ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

2. Bùi Thanh Ph, sinh năm 1998; Trú tại: ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Dương Thị M, sinh năm 1982; Trú tại: ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; Trú tại: ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Nguyễn Minh P, sinh năm: 1993; Trú tại: ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Trần Thanh T, sinh năm: 1990; Trú tại: ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt lần hai không lý do.

3. Nguyễn Trường G1, sinh năm 1997, Trú tại: ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người làm chứng:**

1. Phạm Thị SE, sinh năm 1999, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bùi Thị Thanh T1, sinh năm: 1981, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Phan Thị Ph1, sinh năm 1968, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1/ Về tội trộm cắp tài sản:

Phạm Văn G là người không có nghề nghiệp, đồng thời còn nghiện ma túy nên lấy việc trộm cắp để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng. Do đó G đã có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích. Sau khi ra tù thời gian ngắn từ tháng 7 năm 2020 đến tháng 3 năm 2021 Phạm Văn G đã 04 lần lén lút lấy tài sản của người khác cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào khoảng 03 giờ ngày 14/7/2020 nghe tiếng nhạc điện thoại phát ra từ nhà bà Nguyễn Thị T cách nhà bị cáo khoảng 10m, nghĩ là bà T ngủ say nên bị cáo đi bộ đến nhà bà T ngồi ngoài quan sát, thấy bà T đang bỏ điện thoại vào ba lô màu đen khóa lại đem ba lô để dưới nền gạch gần sào đồ ở khu nhà bếp rồi sau đó đi lên nhà trước. Thấy vậy Phạm Văn G đột nhập vào trong nhà bếp, lấy ba lô và lấy một con dao và dùng con dao đó rọc một đường cáp theo dây kéo, thọt tay vào trong ba lô lấy một điện thoại hiệu OPPO F5 màu trắng và một bọc ny lon màu xanh, bên trong bọc có nhiều đồ vật. Sau khi lấy xong các tài sản trên G đến nhà của ông P bỏ hoang không ai ở, tại đây G mở đèn pin điện thoại để kiểm tra đồ vật trong bọc thì phát hiện tài sản gồm: 01 sợi dây chuyền vàng 18Kara trọng lượng là 10 chỉ; 01 bộ vòng simen 10 chiếc vàng 18Kara trọng lượng là 10 chỉ; 02 chiếc vòng tay vàng 18Kara trọng lượng là 03 chỉ; 01 giấy chứng M nhân dân và 01 thẻ bảo hiểm xã hội tên Nguyễn Thị T cùng một số đồ vật khác không có giá trị. Sau khi kiểm tra xong G để giấy CMND, thẻ bảo hiểm xã hội và đồ vật không giá trị lại tại nhà ông P, còn số vàng và điện thoại thì G bỏ vô bọc ny lon mang đi về nhà kêu em ruột là Phạm Thị SE điều khiển xe mô tô chở G đến nhà bạn tên Nguyễn Trường G1 ngụ ấp 1, xã 2 cách nhà G khoảng 200m. G ở tại nhà Nguyễn Trường G1 chơi đến khoảng 06 giờ cùng ngày bị cáo nhờ Nguyễn Trường G1 đưa đến bến đò xã 2 để qua nhà Đ tên thường gọi là C ở xã 3, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, sau đó G mượn xe mô tô của Đ điều khiển xe đến cửa hàng điện thoại Thanh Tiến thuộc ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình do Trần Thanh T là chủ cửa hàng, G bán điện thoại OPPO giá là 1.500.000 đồng, bán xong điện thoại G quay trở lại nhà Đ, khoảng 14 giờ ngày 19/7/2020 G tiếp tục mượn xe mô tô của Đ đi đến khu vực chợ ML, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang bán số vàng đã lấy của bà T, nhưng do tiệm xác định vàng giả nên không bán được và trên đường về G đã ném bỏ số vàng trên hiện không nhớ địa điểm do đó không truy tìm được vật chứng. Đến ngày 31/3/2021 bị cáo Phạm Văn G đã đến cơ quan công an huyện Thanh Bình tự thú vụ trộm nhà bà Nguyễn Thị T là do chính bị cáo thực hiện và khai nhận như đã nêu trên.

Về phía bà Nguyễn Thị T sáng lại phát hiện bị mất tài sản, bà T và gia đình đi tìm thì thấy số tài sản của bà để trong ba lô bị rọc cáp theo dây kéo gồm có Giấy CMND, thẻ bảo hiểm xã hội và một số vật dụng không có giá trị để trong nhà hoang của ông P nên đã trình báo với Công an Điều tra sự việc mất trộm đêm 14/7/2020, Ngoài số tài sản tìm thấy nhà ông P thì bà T còn khai rõ số vàng bị mất gồm: 01 sợi dây chuyền vàng 18Kara trọng lượng là 10 chỉ; 01 bộ vòng

simen 10 chiếc vàng 18Kara trọng lượng là 10 chỉ; 02 chiếc vòng tay vàng 18Kara trọng lượng là 03 chỉ cùng với điện thoại OPPO F5 đã qua sử dụng.

Qua mô tả các tài sản bị mất trộm theo kết quả định giá số 50/KL-HĐ ngày 14/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng của huyện Thanh Bình, kết luận: Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Phạm Văn G chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T là 76.900.000 đồng.

- Lần thứ 2: Khoảng 02 giờ ngày 28/12/2020 Phạm Văn G đã đột nhập vào nhà của Nguyễn Thanh L ngụ ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, lấy trộm 01 điện thoại Samsung A7 màu xanh đen; 01 ví da bên trong có 150.000 đồng, 01 thẻ ATM và giấy tờ cá nhân, sau khi lấy tiền trong ví xong thì G ném ví cùng các giấy tờ trong ví lại tại sân nhà ông L, sáng lại ông L phát hiện mất trộm nên tìm kiếm thì nhặt lại được ví và giấy tờ. Về phía G đem điện thoại Samsung trộm được của ông L bán tại chợ ML được số tiền là 1.600.000 đồng.

Qua mô tả các tài sản bị mất trộm theo kết quả định giá số 64/KL-HĐ ngày 09/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng của huyện Thanh Bình, kết luận: Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Phạm Văn G chiếm đoạt của ông Nguyễn Thanh L là 2.650.000 đồng (điện thoại 2.500.000đ + 150.000đ = 2.650.000 đồng).

- Lần thứ 3: Khoảng tháng 02 năm 2021 bị cáo G đã đột nhập vào nhà của Dương Thị M ngụ ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, lấy trộm 01 đồng hồ đeo tay mạ vàng đã qua sử dụng và số tiền 1.000.000 đồng; 02 sợi dây chuyền bằng bạc có giá trị 1.200.000 đồng. Chiếc đồng hồ đeo tay nữ là do bị cáo G nộp khi tự thú và khai nhận lấy trộm của bị hại Dương Thị M.

Theo kết quả định giá số 62/KL-HĐ ngày 09/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng của huyện Thanh Bình, kết luận: Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Phạm Văn G chiếm đoạt của bà Dương Thị M là 2.350.000 đồng (đồng hồ đeo tay 150.000đ + 1.200.000đ + 1.000.000đ = 2.350.000 đồng).

- Lần thứ 4: Khoảng đầu tháng 2 năm 2021 Phạm Văn G đã đột nhập vào nhà của Bùi Thanh Ph ngụ ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, lấy trộm 01 điện thoại di động OPPO màu xám đen, qua ngày sau G đem bán cho cửa hàng điện thoại M Phú thuộc ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình do Nguyễn Minh P làm chủ với giá là 1.000.000 đồng.

Theo kết quả định giá số 60/KL-HĐ ngày 09/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng của huyện Thanh Bình, kết luận: điện thoại OPPO mà bị cáo Phạm Văn G chiếm đoạt của ông Bùi Thanh Ph có giá trị là 1.500.000 đồng

Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Phạm văn G chiếm đoạt của Nguyễn Thị T, Nguyễn Thanh L, Dương Thị M và Bùi Thanh Ph là 83.400.000 đồng.

Ngoài 04 lần trộm trên bị cáo Phạm Văn G còn khai nhận từ tháng 01 năm 2021 đến tháng 03 năm 2021 đã thực hiện 04 lần trộm khác không xác định được bị hại cụ thể với số tiền mất là 2.300.000 đồng và 04 điện thoại các loại bán với giá là 2.900.000 đồng cụ thể như sau:

- Đầu tháng 01 năm 2021 khoảng 02 giờ G vào nhà trọ ĐT thuộc ấp 1, xã 2 lấy trộm 01 điện thoại Iphone 5, sáng lại bán cho người thanh niên lạ với giá 400.000 đồng.

- Giữa tháng 02 năm 2021 khoảng 02 giờ G vào nhà người dân tại ấp 1, xã 2 lấy trộm 01 điện thoại hiệu Samsung màu xám và số tiền 1.000.000 đồng, sau đó đem bán điện thoại cho một thanh niên lạ mặt với giá là 400.000 đồng.

- Cũng trong tháng 02/2021 lúc 02 giờ G vào nhà người dân đoạn đường 2-2 lấy trộm tiền là 1.300.000 đồng.

- Vào giữa tháng 03 năm 2021 lúc 02 giờ G vào nhà người dân tại ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình lấy 01 điện thoại di động Vsmart màu đỏ, 01 điện thoại di động hiệu Realme màu đỏ. Sau đó G qua Chợ Mới bán điện thoại Vsmart được 600.000 đồng, còn điện thoại Realme bán cho cửa hàng điện thoại M Phú ở ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình với giá là 1.500.000 đồng.

Cơ quan Điều tra đã ra thông báo truy tìm bị hại nhưng đến nay không thấy cá nhân, tổ chức nào đến trình báo cho nên sẽ xử lý khoản tiền thu lợi bất chính của Phạm Văn G theo quy định của pháp luật.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 thẻ bảo hiểm xã hội và một giấy chứng M nhân dân tên Nguyễn Thị T; 01 đồng hồ đeo tay màu vàng đã qua sử dụng của bị hại Dương Thị M do bị cáo G giao nộp, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu theo quy định tại Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS.

2/ Về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”

Lê Văn N và Phạm Văn G là bạn nghiện ma túy cả 02 thuê cùng nhà trọ Cô Huệ tại ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp do Bùi Thị Thanh T1 làm chủ. G thuê phòng số 14, còn N thì thuê phòng số 7, Nguyễn Hoàng M cũng là bạn của N và G ở ngoài nhưng M thường xuyên đến phòng trọ của G chơi. Vào lúc 23 giờ ngày 23/5/2021 M và G đang ở trong phòng trọ số 14 thì N nhắn tin rủ M hùn tiền mua ma túy của người tên Nguyễn ở Cao Lãnh (không biết họ chữ lót và địa chỉ) với số lượng ma túy là “25 số” giá tiền là 1.800.000 đồng, M đồng ý nên 10 phút sau N đến, M đưa cho N 300.000 đồng, số tiền này là của G trả lại cho M sau khi mua thức ăn còn thừa và ngay sau đó M đã đưa cho N, còn N thì hùn vào 1.500.000 đồng. Việc mua ma túy do trực tiếp N giao dịch. Khoảng 30 phút sau thì điện thoại của M reo, lúc này N lấy điện thoại của M nghe, khi đó có giọng của một người thanh niên nói ma túy đã đem tới trước cổng Công ty Hùng Cá rồi ra lấy. N rủ M và G cùng đi, M và G đồng ý, nhưng N đi trước còn G và M đi sau, N ra trước thấy có một xe tắc xi nhưng không để ý biển số và hiệu xe, lúc đó có một người đàn ông trên xe đưa cho N gói thuốc hiệu 3 số 555 bên trong là ma túy, ngược lại N đưa cho người đàn ông số tiền là 1.800.000 đồng, nhận ma túy xong N đưa cho M cất giữ rồi quay về nhà trọ. Lúc này G ngồi trước nhà trọ chơi Game còn M và N vào phòng số 14, M lấy ma túy đưa cho N và N đã lấy ra một ít để sử dụng, số còn lại N giấu trên thành nhà vệ sinh, lúc này G đi vào nên M và N cùng với G sử dụng chung ma túy với nhau, sử dụng ma túy xong thì N về phòng của mình ngủ.

Qua ngày sau khoảng 18 giờ N đến phòng của G lấy bạch ma túy mang về phòng trọ của mình cất giấu, đến khoảng 23 giờ thì M đến phòng của N khi đó thấy Trần Kiều N1 là vợ N đang nằm ngủ, M kêu N chiếc ma túy ra một bạch nhỏ đưa cho M đem về phòng của G và dặn chờ N qua để sử dụng chung. Đến khoảng 04 giờ ngày 25/5/2021 N lấy số ma túy đang giữ để trong túi xách màu đen và bộ dụng cụ sử dụng ma túy qua phòng của Phạm Văn G, lúc này M lấy bạch ma túy nhỏ của N đưa lúc tối để vào bộ dụng cụ do N đem qua, rồi cả 03 cùng sử dụng chung. Khoảng 20 phút sau có Nguyễn Trường G1 (có tên gọi là G bê dê) là bạn của M đến và tham gia sử dụng ma túy cùng với M, khi hết ma túy trong nỏ, thì M chiếc ra một ít trong bạch của M đem qua để 04 người sử dụng tiếp, đến 07 giờ thì Nguyễn Trường G1 đi về nhà, lúc này M chiếc ma túy ra một đoạn ống hút và túi ny long màu vàng rồi cho tất cả vào túi xách và để tại phòng. Cho đến 10 giờ ngày 25/5/2021 cơ quan Công an kiểm tra phòng trọ số 14, lúc này N lấy túi xách giấu vào trong nhà vệ sinh nhưng vẫn bị lực lượng chức năng thu giữ một túi xách màu đen có hiệu “Mont Blanc” bên trong có một bạch ny long màu vàng chứa bên trong bạch nylon màu trắng có chứa các tinh thể rắn màu trắng đã được niêm phong ký hiệu A1 và một đoạn ống hút nhựa màu trắng hàn kín 02 đầu có chứa nhiều tinh thể rắn màu trắng đã được niêm phong ký hiệu A2. Tinh thể rắn chứa trong bạch ny long và đoạn nhựa nghi là ma túy.

Theo Kết quả giám định số 533/KL-KTHS ngày 27/5/2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận:

- Tinh thể rắn chứa trong 01 bạch nylon màu trắng hàn kín, được niêm phong trong bao thư ghi ký hiệu A1 gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 0,648 gam loại, Methamphetamine.

- Tinh thể rắn chứa trong 01 đoạn ống hút nhựa màu trắng hàn kín, được niêm phong trong bao thư ghi ký hiệu A2 gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 0,769 gam loại, Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKS-TB ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình đã truy tố các bị cáo Phạm Văn G về tội “Trộm cắp tài sản” tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 và điểm b, d, đ khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Lê Văn N và Nguyễn Hoàng M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát xác định cáo trạng truy tố các bị cáo Lê Văn N, Nguyễn Hoàng M, Phạm Văn G là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên giữ nguyên quyết định truy tố.

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ, hậu quả tác hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nguyên nhân điều kiện dẫn đến phạm tội và nhân thân của từng bị cáo. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Áp dụng điểm s, r khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55, điểm c, g khoản 2 Điều 173 và điểm b, d, đ khoản 2 Điều 256 Bộ luật

Hình sự. Xử phạt Phạm Văn G từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; từ 09 năm đến 10 năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội từ 12 năm đến 14 năm tù.

+ Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38; Điều 55, Điều 58, điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Lê Văn N từ 01 năm đến 02 năm tù tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và từ 08 đến 09 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” Tổng hợp chung của 02 tội đề nghị từ 09 năm đến 11 năm tù.

+ Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38; Điều 55, Điều 58, điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Hoàng M từ 01 năm đến 02 năm tù tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và từ 07 đến 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” Tổng hợp chung của 02 tội đề nghị từ 08 năm đến 10 năm tù.

-Về phạt bổ sung đề nghị miễn áp dụng đối với Phạm Văn G, Lê Văn N, Nguyễn Hoàng M do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Buộc bị cáo phạm Văn G bồi thường cho Nguyễn Thị T 76.900.000đ; Dương Thị M 2.200.000đ; Bùi Thanh Ph 1.500.000đ. Đối với anh Nguyễn Thanh L tại phiên tòa không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

- Về xử lý vật chứng đề nghị Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước các khoản tiền thu lợi bất chính của bị cáo G, đối với các tài sản không còn giá trị sử dụng thì tịch thu tiêu hủy.

Trong phần tranh luận: Các bị cáo thừa nhận tội không tranh luận với Viện kiểm sát.

Nói lời sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để sớm về đoàn tụ gia đình và hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện, Thanh Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo:

[2.1] Bị cáo Phạm Văn G đã tự thú và thừa nhận, lợi dụng đêm tối và sơ hở của các bị hại trong việc quản lý tài sản, bị cáo G đã lén lút đột nhập vào nhà các bị hại trên địa bàn xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp để chiếm đoạt của Nguyễn Thị T 01 sợi dây chuyền vàng 18Kara trọng lượng là 10 chỉ; 01 bộ vòng simen 10 chiếc vàng 18Kara trọng lượng là 10 chỉ; 02 chiếc vòng tay vàng 18Kara trọng lượng là 03 chỉ cùng với điện thoại OPPO F5 đã qua sử dụng có giá trị là 76.900.000 đồng; chiếm đoạt của Nguyễn Thanh L, một điện thoại Samsung giá trị là 2.500.000đ và 150.000đ; chiếm đoạt của Dương Thị M 01 đồng hồ đeo tay mạ vàng đã qua sử dụng và số tiền 1.000.000 đồng, 02 sợi dây chuyền bằng bạc có tổng giá trị là 2.350.000 đồng; chiếm đoạt của Bùi Thanh Ph điện thoại OPPO có giá trị là 1.500.000 đồng. Ngoài ra còn bị cáo G khai nhận 04 lần chiếm đoạt của 04 nơi khác nhau chưa tìm được bị hại số tiền mặt là 2.300.000đ và 04 điện thoại di động bán cho người lạ với số tiền là 2.900.000đ. Như vậy tổng số tiền mà bị cáo G chiếm đoạt là 88.600.000đ. Lời nhận tội của bị cáo G phù hợp với lời khai của những người bị hại và người có liên quan trong vụ án cũng như người làm chứng và hồ sơ có trong vụ án. Số tiền có được từ việc trộm bị cáo G sử dụng vào việc mua ma túy hút và trả tiền thuê nhà trọ rồi dùng nhà trọ đó chứa chấp Nguyễn Hoàng M và Lê Văn N, Nguyễn Trường G1 thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy ngày 23/5/2021 và ngày 25/5/2021 thì bị bắt quả tang với đầy đủ tang vật chứng gồm các dụng cụ dùng để sử dụng ma túy và khối lượng ma túy loại Methamphetamine là 1,417gam. Lời nhận tội của bị cáo G là phù hợp với lời nhận tội của các bị cáo N và bị cáo M trong việc bị cáo G chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy và đúng với lời khai của các bị hại cũng như lời khai của các đương sự có liên quan và người làm chứng trong vụ án. Khi thực hiện hành vi bị cáo G nhận thức đầy đủ hành động của mình là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản và xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước đối với các chất gây nghiện, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi của bị cáo Phạm Văn G đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” lần phạm tội trộm cắp tài sản của bị cáo G là tái phạm nguy hiểm và chiếm đoạt tài sản có giá trị trên 50.000.000đ nên đây là những tình tiết định khung ở điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Bị cáo đã 02 lần chứa chấp cho nhiều người sử dụng trái phép chất ma túy và tái phạm nguy hiểm, đây là tình tiết định khung theo điểm b, d, đ khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 2 Điều 173 BLHS có quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng, nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a).....

b).....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a).....

c) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.....

g) Tái phạm nguy hiểm.

Tại Khoản 2 Điều 256 BLHS có quy định:

1. Người nào cho thuê, cho mượn địa điểm hoặc có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 255 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a).....

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

d) Đối với 02 người trở lên;

đ) Tái phạm nguy hiểm.

[2.2] Bị cáo Lê Văn N và bị cáo Nguyễn Hoàng M thừa nhận:

Vào lúc 23 giờ ngày 23/5/2021 M và G đang ở trong phòng trọ số 14 nhà trọ Cô Huệ thuộc ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp thì N là bạn của M và Phạm M G nhắn tin rủ M hùn tiền mua ma túy của người tên Nguyễn ở Cao Lãnh (không biết họ chữ lót và địa chỉ) với số lượng ma túy là “25 số” giá tiền là 1.800.000 đồng, M đồng ý nên 10 phút sau N đến, M đưa cho N 300.000 đồng, số tiền này là của G trả lại cho M sau khi mua thức ăn còn thừa và ngay sau đó M đã đưa cho N, còn N thì hùn vào 1.500.000 đồng. Việc mua ma túy do trực tiếp N giao dịch và nhận của người trước cổng Công ty Hùng Cá khi đó có sự chứng kiến của M và G. Sau đó M và N cùng vào phòng số 14 của G lấy ra một ít ma túy, số còn lại N giấu trên thành nhà vệ sinh, lúc này G đi vào nên M và N cùng với G sử dụng chung ma túy với nhau, sử dụng ma túy xong thì N về phòng của mình ngủ. Cho đến khoảng 18 giờ ngày sau N đến phòng của G lấy bạch ma túy mang về phòng trọ của mình cất giấu, đến khoảng 23 giờ thì M đến phòng của N chiếc ra một bạch nhỏ đưa cho M đem về phòng của G và lúc 04 giờ ngày 25/5/2021 N lấy toàn bộ số ma túy còn lại đang giữ để trong túi xách màu đen và bộ dụng cụ sử dụng ma túy qua phòng của Phạm Văn G, Tại đây M lấy bạch ma túy nhỏ của N đưa lúc tối để vào bộ dụng cụ do N đem qua, rồi cả 03 cùng sử dụng chung, sau đó có Nguyễn Trường G1 (có tên gọi là G bê đê) là bạn của M đến cùng tham gia đến 7 giờ thì Trường G ra về. Lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau phù hợp với người làm chứng và chứng cứ khác có

trong hồ sơ vụ án, đồng thời các bị cáo đã bị bắt quả tang với đầy đủ vật chứng như dụng cụ hút ma túy và chất ma túy loại Methamphetamine với khối lượng 1,417 gam. Bị cáo M và N nhận thức được việc tàng trữ ma túy và tổ chức cho người khác sử dụng trái phép chất ma túy là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện, cho nên, hành vi của các bị cáo Lê Văn N và Nguyễn Hoàng M đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” phạm vào điểm c khoản 1 Điều 249 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” phạm vào điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

- Tại khoản 1 Điều 249 BLHS có quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a).....

b).....

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA, hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

Tại khoản 2 Điều 255 BLHS có quy định:

1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Phạm tội 02 lần trở lên;

b) Đối với 02 người trở lên.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, xã hội lên án, chúng ta biết ma túy là chất gây nghiện, đặc biệt người nghiện ma túy đã có thể dẫn đến giết người do ảo giác, là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác, làm cho nhiều gia đình L vào cảnh khó khăn, đồng thời đây là chất kích thích do Nhà Nước thống nhất độc quyền quản lý, nghiêm cấm mọi hành vi mua bán, tàng trữ và tổ chức sử dụng trái phép dưới bất kỳ hình thức nào, thế nhưng bất chấp tất cả bị cáo Nguyễn Hoàng M, Lê Văn N đã mua ma túy để tổ chức cho nhiều người sử dụng và tàng trữ để sử dụng, còn Phạm Văn G đã dùng phòng trọ của mình để cho M và N tổ chức cho nhiều người cùng sử dụng ma túy nhiều lần, ngoài việc chứa chấp sử dụng ma túy ra G là con nghiện để có tiền mua ma túy sử dụng G đã thực hiện hành vi trộm cắp của nhiều người số tiền lên đến 88.600.000 đồng và bản thân G là người có tiền án. Cho nên, việc đưa các bị cáo ra xét xử công khai như ngày hôm nay là rất cần thiết, thể hiện sự nghiêm M của luật pháp, đồng thời mang tính giáo dục phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Trong vụ án này có 03 bị cáo và vai trò của từng bị cáo được thể hiện như sau:

[4.1] Bị cáo Lê Văn N là người chủ mưu với vai trò là rủ rờ bị cáo Nguyễn Hoàng M hùn mua ma túy rồi trực tiếp liên hệ giao dịch, nhận ma túy và trả tiền, Lê Văn N là người trực tiếp quản lý số ma túy mua được và cùng với Nguyễn Hoàng M tổ chức cho nhiều người và tổ chức 02 lần sử dụng ma túy tại phòng trọ do G thuê ở. Hành động của N đã lôi kéo nhiều đối tượng sử dụng ma túy, gây mất trật tự an ở địa phương, làm gia tăng số người nghiện trên địa bàn huyện Thanh Bình, gây bức xúc, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó phải có hình phạt thật nghiêm khắc để răn đe giáo dục chung.

Tuy nhiên quá trình xét xử bị cáo N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là thỏa đáng.

[4.2] Bị cáo Nguyễn Hoàng M là đồng phạm với Lê Văn N với vai trò cùng thực hiện hùn tiền để cùng với N mua ma túy và cùng N tổ chức cho nhiều người sử dụng trái phép chất ma túy, cho nên đã lôi kéo nhiều đối tượng sử dụng ma túy, gây mất trật tự an ở địa phương, làm gia tăng số người nghiện trên địa bàn huyện Thanh Bình, gây bức xúc, lo lắng trong quần chúng nhân dân vì vậy cũng cần phải nghiêm trị để răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

Tuy nhiên quá trình xét xử bị cáo M thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4.3] Bị cáo Phạm Văn G là người đã có tiền án, lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm, đồng thời bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với nhiều người, việc trộm cắp tài sản của bị cáo là để có tiền mua ma túy sử dụng. Bị cáo là người nghiện và thực hiện hành động chứa chấp để cho N và M tổ chức cho nhiều người đến sử dụng trái phép chất ma túy, trong đó có bị cáo. Hành động phạm tội của bị cáo G đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương gây hoang mang trong quần chúng nhân dân vì tài sản của nhiều người bị mất trộm một cách liên tục kéo dài, bị cáo phạm tội ở khoản 02 với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Do đó cần phải cách ly bị cáo G ra khỏi xã hội một thời gian dài để cải tạo, giáo dục bị cáo từ bỏ con đường phạm tội. Tuy nhiên quá trình xét xử bị cáo G cũng thành khẩn khai báo ăn năn hối cải và bị cáo G đã tự thú thể hiện sự ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s, r khoản 1, 2 Điều 51 BLHS.

[5] Xét quan điểm của Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với phân tích và nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận toàn bộ.

[6] Về hình phạt bổ sung qua các tài liệu thu thập có trong hồ sơ và lời trình bày của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định lao động tự do, không có thu nhập, đang ở nhà thuê, điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm Dân sự: Các bị hại Nguyễn Thị T yêu cầu 76.900.000 đồng; Dương Thị M yêu cầu 2.200.000 đồng; Bùi Thanh Ph yêu cầu 1.500.000đ. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa bị cáo G đã tự nguyện bồi thường theo yêu cầu của các bị hại. Nhận thấy sự tự nguyện này của bị cáo G là phù hợp đúng với thiệt hại thực tế và phù hợp với điều 48 BLHS và Điều 589 BLDS nên cần chấp nhận. Đối với Nguyễn Thanh L tại phiên tòa không yêu cầu bị cáo G phải bồi thường thiệt hại nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ gồm:

- 01 phong bì được niêm phong ký hiệu A1, A2, có chứa ma túy sau giám định

- 01 túi xách màu đen nhãn hiệu “Mont Blanc”; 01 cây kéo kim loại màu trắng, cán nhựa đỏ; 01 vỏ chai nhựa màu trắng, nắp đỏ có koét lỗ tròn; 04 đoạn ống hút nhựa màu trắng; 01 cân tiêu ly hiệu “Made in China”; 01 chai ga mini; 02 hộp quẹt ga; (tất cả đã qua sử dụng) Đây là dụng cụ, phương tiện dùng vào việc sử dụng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và số ma túy mà các bị cáo đã tàng trữ nên cần phải tịch thu tiêu hủy.

- 02 điện thoại di động thu giữ của các bị cáo dùng vào việc giao dịch mua ma túy tàng trữ và tiền mà bị cáo G thu lợi từ việc trộm có được cần phải tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Riêng đối với 01 cây quạt điện AkiFa màu xám là của Nguyễn Trường G1 cần phải giao trả lại cho đương sự vì không có liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 55, Điều 58; điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt Lê Văn N 02 (Hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 08 (Tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Lê Văn N phải chấp hành hình phạt là 10 (Mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 25/5/2021.

2. Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 55, Điều 58; điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt Nguyễn Hoàng M 01 (Một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Hoàng M phải chấp hành hình phạt là 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 25/5/2021.

3. Áp dụng điểm s, r khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 55, điểm c, g khoản 2 Điều 173 và điểm b, d, đ khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn G phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt Phạm Văn G 04 (bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 09 (chín) năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Phạm Văn G phải chấp hành hình phạt là 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam ngày 25/5/2021.

4. Miễn phạt bổ sung là tiền đối với Phạm Văn G, Lê Văn N, Nguyễn Hoàng M.

5. Về Trách nhiệm Dân sự: Áp dụng điều 48 BLHS và Điều 589 BLDS;

+ Buộc bị cáo phạm Văn G bồi thường cho Nguyễn Thị T 76.900.000đ; Dương Thị M 2.200.000đ; Bùi Thanh Ph 1.500.000đ.

Đối với tiền bồi thường khi nào có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của BLDS, trừ trường hợp có quy định khác.

+ Đối với Nguyễn Thanh L không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

6. Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37f trắng trắng (niêm phong trong phong bì ký hiệu B1).

+ 01 điện thoại di động Iphone màu bạc (niêm phong trong phong bì ký hiệu B2).

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 phong bì được niêm phong ký hiệu A1, ghi niêm phong số 555/A1 ngày 25/5/2021 (bên trong có chứa 0,547 gam chất ma túy hoàn lại sau giám định).

+ 01 phong bì được niêm phong ký hiệu A2, ghi niêm phong số 555/A2 ngày 25/5/2021 (bên trong có chứa 0,615 gam chất ma túy hoàn lại sau giám định).

+ 01 túi xách màu đen nhãn hiệu “Mont Blanc”; 01 cây kéo kim loại màu trắng, cán nhựa đỏ; 01 vỏ chai nhựa màu trắng, nắp đỏ có khoét 02 lỗ tròn; 04 đoạn ống hút nhựa màu trắng; 01 cân tiểu ly hiệu “Made in China”; 01 chai ga mini; 02 hộp quẹt ga (tất cả đã qua sử dụng)

- Trả lại tài sản:

+ Trả lại cho đương sự Nguyễn Trường G1 01 cây quạt điện nhãn hiệu AkiFa màu xám, cánh quạt màu cam, đã qua sử dụng.

(Các tài sản trên đang do Chi cục thi hành án Dân sự huyện Thanh Bình đang quản lý).

- Buộc bị cáo Phạm Văn G nộp lại số tiền 5.200.000đ để tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

7. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Lê Văn N và Nguyễn Hoàng M mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

- Buộc bị cáo Phạm Văn G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí Dân sự sơ thẩm là 4.030.000đ.

Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án (15/6/2022). Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc yêu cầu cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CSĐT CA huyện Thanh Bình;
- THA HS CA huyện Thanh Bình;
- CC THA huyện Thanh Bình;; Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án. (Phong)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương phước Tự